**Tên bài học: Bài 118. oam oăm**

**Tiết 256 + 266**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết vần **oam**, vần **oăm;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **oam**, vần **oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oam, vần oăm.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Mưu chú thỏ**

- Viết đúng vần **oam,** vần **oăm**, các từ **ngoạm**, **mỏ khoằm** (trên b/con).

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Giáo viên: Bảng cài, Bộ ghép chữ thực hành, bảng con, phấn;

b. Học sinh: Vở Bài tập Tiếng Việt; Sách GK

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Trò chơi Nhanh và đúng  + Đọc: ưu – ươu; oa – oe; uê – uơ; uy – uya.  + Cho học sinh đọc bài Bài học cho gà trống  + Nghe - viết: huơ tay, đêm khuya, nguy hiểm.  - Nhận xét. Giới thiệu bài oam – oăm  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới 12’**  **\* Hoạt động 1: Dạy vần oam**  - Nhận diện: Vần oam được tạo từ âm o, a và m  - Cho HS phân tích vần oam  - Đánh vần, đọc trơn (o-a-m/ oam)  - Chỉ hình cái bàn hỏi: Tr/vẽ chú chó đamg làm gì?  - Đ/v, đ/trơn (ngờ-oam-ngoam-nặng-ngoạm/ngoạm)  - HDHS phân tích tiếng ngoạm.  - Giải thích từ: ngoạm  **\* Hoạt động 2: Dạy vần oăm**  - Nhận diện: Vần oăm được tạo từ âm o, ă và m  - Cho HS phân tích vần oăm  - Đánh vần, đọc trơn (o-ă-m-oăm/oăm)  - Cho HS quan sát hình ảnh giới thiệu: Mỏ khoằm  - Đánh vần, đọc trơn (khờ-oăm-khoăm-huyền-khoằm/mỏ khoằm)  - HDHS phân tích tiếng khoằm.  - Giới thiệu: mỏ khoằm  \* Củng cố: Cho HS nhắc lại vần và tiếng vừa học.  **3. Luyện tập thực hành (20 phút)**  **Bài tập 2**. Mở rộng vốn từ: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?  - Cho HS đọc từng từ ngữ dưới các hình.  - Cho HS tìm tiếng có vần oam, vần oăm, nói kết quả  - Cho cả lớp đọc: Tiếng nhoàm có vần oam…Tiếng hoắm có vần oăm,...  - Theo dõi, giúp đỡ HS chậm  **Bài tập 4.** Tập viết (bảng con)  a) Cho HS đọc: oam, ngoạm, oăm, mỏ khoằm.  - Cho HS nhắc lại độ cao các con chữ (k, h, g- 5 li; các con chữ còn lại- 2 li)  b) Vừa viết mẫu vừa giới thiệu:  + Vần oam: Viết con chữ o trước, liền bút viết chữ a, liền bút viết chữ m.  + Vần oăm: viết vần oam, lia bút viết dấu á trên a.  + Từ ngoạm: viết ng trước, liền bút viết vần oam, dấu nặng dưới ă.  + mỏ khoằm: Viết chữ mỏ trước, cách 2 ô li viết chữ kh trước, vần oăm sau, lia bút viết dấu huyền trên ă.  c) HDHS viết b/con: oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm  - Nhận xét | - Hát ĐT  - Tham gia trò chơi  - 4 HS đọc  - 4 HS đọc, lớp ĐT 1lần  - 3 HS lên bảng viết, lớp viết b/c  - Nhắc lại    - Phân tích  -…âm o đứng trước, a đứng giữa, âm m đứng cuối  - Đ/vần, đ/trơn: o-a-m/ oam  - Q/s tranh, TL...ngoạm xương  - Đọc cn-đt  +…âm ng đứng trước, vần oam đứng sau, dấu nặng dưới a.  - Lắng nghe  - Phân tích  -…âm o trước, âm ă đứng giữa, âm m đứng cuối.  - Đ/v, đ/trơn: o-ă-m-oăm/oăm  - Q/sát tranh,...mỏ khoằm  - Đọc CN - ĐT  +… kh đứng trước, vần oăm sau, dấu huyền trên ă.  - Lắng nghe  - Xung phong đọc các vần và tiếng vừa học  - Đọc CN-ĐT  - Thực hiện  - Đọc ĐT:  + oam: nhoàm, ngoạm  + oăm: hoắm  - Đọc ĐT  - Phát biểu  - Quan sát, lắng nghe  - Viết bảng con:  + Vần oam, oăm (2 lần);  + ngoạm, mỏ khoằm (2lần) |
| **Tiết 2** | |
| \* **Tập đọc** (**30 phút)**  a) GT hình m/hoạ và bài đọc: Mưu chú thỏ, giới thiệu: hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.  b) Đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ kết hợp giải nghĩa từ: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.  - Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).  d) Luyện đọc câu  - GT: Bài có 10 câu. (đánh số TT từng câu).  - HDHS đọc vỡ từng câu;  - Đọc tiếp nối từng câu; Đọc liền 2câu (4-5), (7-8).  e) Thi đọc từng đoạn, cả bài (theo cặp, tổ) chia bài làm 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu).  - Thi đọc cả bài  - Cho HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần oam, oăm.  g) Tìm hiểu bài đọc  - Gọi 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.  - HDHS viết ý mình chọn lên thẻ. -> cho HS giơ thẻ. - Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời)  - Nhắc HS không chơi gần giếng hoặc hố sâu nguy hiểm  **4 . Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Cho HS đọc lại nội dung bài.  - Dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe bài TĐ; xem trước bài 119. oan, oat  - Nhận xét tiết học | - Lắng nghe, nhớ bài  - Luyện đọc CN-ĐT  - Thực hiện  - Đọc cá nhân – đôi  - Thực hiện  - Thực hiện  - Viết ý mình chọn lên thẻ. -> giơ thẻ. Đọc:  + 1HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng?  + Cả lớp: Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác.  - HS ghi nhớ  - ĐT đọc  - Thực hiện  - HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**